TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2023
"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Quảng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Sỹ Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Anh Phạm Hồng P, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.
Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Võ Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh P sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã B , huyện P, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/9/2014.

Thời gian đầu chung sống hạnh P, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên cờ bạc, nợ nần, bỏ nhà đi, không chăm lo gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với anh P. Chị T không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 26/6/2016 và Phạm Võ Bảo K, sinh ngày 16/8/2018. Hiện hai con chung đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Phạm Hồng P đến làm việc, nhưng anh P không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Anh P cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Võ Thị Thanh T vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với Phạm Hồng P, yêu cầu nuôi con chung là các cháu Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 26/6/2016 và Phạm Võ Bảo K, sinh ngày 16/8/2018, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bị đơn là anh Phạm Hồng P đã được triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt.:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thanh T đối với anh Phạm Hồng P.

+ Về con chung: Giao các cháu Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 26/6/2016 và Phạm Võ Bảo K, sinh ngày 16/8/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

- Đơn khởi kiện; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Sổ hộ khẩu (bản photo chứng thực); Chứng minh nhân dân (bản photo chứng thực); Trích lục khai sinh bản sao; Biên bản xác minh; Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ;- Đơn xin xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Thanh T yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Hồng P. Đơn khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Hồng P hiện cư trú tại thôn Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T và bị đơn anh Phạm Hồng P đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ 2, do vậy Toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Võ Thị Thanh T và anh Phạm Hồng P có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Giáo, huyện P, tỉnh Gia Lai, anh P và chị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh P và chị T chung sống hạnh P một thời gian thì anh P và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh P. Tuy nhiên, anh P đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh P và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Anh P và chị T có 02 (hai) con chung là các cháu Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 26/6/2016 và Phạm Võ Bảo K, sinh ngày 16/8/2018. Chị T yêu cầu được nuôi các con chung là Nam và Khôi. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của chị T, thấy rằng các cháu Phạm Võ Bảo N và Phạm Võ Bảo K hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, việc giao các cháu Nam và Khôi cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Hồng P.

2. Về con chung:

Giao con chung là các cháu Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 26/6/2016 và Phạm Võ Bảo K, sinh ngày 16/8/2018 cho chị Võ Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Võ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0004689 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Võ Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Phạm Hồng P và chị Võ Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử P thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Văn Quảng